

SOME THEORY ISSUES ON EDUCATIONAL INNOVATION AND MANAGEMENT IN PUBLIC UNIVERSITIES

Nguyen Ngoc Bao*, Tran Thi Ngoc Han, Vo Thu Ha

Hochiminh City Cadre Academy

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<p>Received: 14/8/2023</p> <p>Revised: 24/11/2023</p> <p>Published: 24/11/2023</p>	<p>Based on the survey of documents on innovative practices in university governance in the world and the author's research, the purpose of this paper is to present the results of the evaluation and analysis of the relationship between management and educational innovation in public universities in the world in general and in Vietnam in particular. This allows us to describe different types of innovation, identify some of the obstacles to innovation, and offer suggestions on how to accelerate innovation based on changes in governance and the industry education system at public universities. To achieve that goal, it is necessary to understand the concepts of management, types of innovation, areas of innovation practice, theoretical basis and challenges of implementing innovation in universities. Studies have shown that education needs to innovate more effectively to help produce high-quality learning outcomes across the system. It also indicates that the application of technology should be based on a solid theoretical foundation and systematic, purposeful research and solid pedagogy. From the research results, the article also makes some recommendations to guide further research.</p>
<p>KEYWORDS</p> <p>Management</p> <p>Educational innovation</p> <p>Public Universities</p> <p>Management style</p> <p>College Administration</p>	

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ VÀ ĐỔI MỚI GIÁO DỤC TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP

Nguyễn Ngọc Bảo*, Trần Thị Ngọc Hân, Võ Thu Hà

Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận bài: 14/8/2023</p> <p>Ngày hoàn thiện: 24/11/2023</p> <p>Ngày đăng: 24/11/2023</p>	<p>Dựa trên việc khảo sát tài liệu về thực tiễn đổi mới trong quản trị đại học trên thế giới và các nghiên cứu của tác giả, mục đích của bài báo này là trình bày kết quả đánh giá, phân tích về mối quan hệ giữa quản lý và đổi mới giáo dục trong các trường đại học công lập trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Từ đó chúng ta có thể phác thảo ra một số loại đổi mới, đồng thời chỉ ra một số rào cản đối với đổi mới và đưa ra các khuyến nghị để tăng quy mô và tỷ lệ đổi mới dựa trên quản trị và chuyển đổi trong hệ thống giáo dục ở các trường đại học công lập. Để đạt mục tiêu đó cần tìm hiểu các khái niệm về quản lý, các loại hình đổi mới, lĩnh vực thực hành đổi mới, cơ sở lý luận và thách thức của việc thực hiện đổi mới trong các trường đại học. Các nghiên cứu đã cho thấy giáo dục cần có những đổi mới một cách hiệu quả hơn để có thể giúp tạo ra kết quả học tập chất lượng cao trên toàn hệ thống. Trong đó cũng chỉ ra rằng ứng dụng công nghệ cần dựa trên nền tảng lý thuyết vững chắc và nghiên cứu có hệ thống, có mục đích và phương pháp sư phạm vững chắc. Từ kết quả nghiên cứu bài báo cũng đưa ra một số khuyến nghị định hướng tiếp tục nghiên cứu.</p>
<p>TỪ KHÓA</p> <p>Quản lý</p> <p>Đổi mới giáo dục</p> <p>Đại học công lập</p> <p>Phong cách quản lý</p> <p>Quản trị đại học</p>	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8539>

* Corresponding author. Email: n.nbao@hcmca.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Theo Crichton [1], giáo dục là chìa khóa mở ra cánh cửa phát triển của bất kỳ quốc gia nào. Nó là công cụ tạo điều kiện cho sự phát triển chính trị, kinh tế, xã hội và công nghệ của một quốc gia. Để giáo dục đóng vai trò then chốt đối với sự chuyên đổi của một quốc gia, nó cần phải được lập kế hoạch có tính chiến lược đầy đủ và hiệu quả vì một kế hoạch giáo dục sai lầm có thể gây nguy hiểm cho sự phát triển của đất nước trong nhiều thập kỷ. Giáo dục, với tư cách là một tổ chức xã hội phục vụ nhu cầu của xã hội, là điều cốt yếu để xã hội tồn tại và thành công. Giáo dục không chỉ toàn diện, bền vững và xuất sắc mà còn phải liên tục phát triển để đáp ứng những thách thức của xu hướng toàn cầu hóa, những thay đổi một cách nhanh chóng và khó đoán trước. Sự phát triển này phải có hệ thống nhất quán và có thể mở rộng; do đó, giáo viên phổ thông, giảng viên đại học, nhà quản lý, nhà nghiên cứu và nhà hoạch định chính sách được kỳ vọng phải đổi mới lý thuyết và thực hành dạy và học, để đảm bảo sự chuẩn bị có chất lượng cho học sinh, sinh viên [2]. Những thành công của nền giáo dục Hoa Kỳ là kết quả của quá trình liên tục được thúc đẩy bởi sự đổi mới và có khả năng tăng trưởng độc đáo [3]. Tuy nhiên, đó thực sự là một nghịch lý: trong khi Hoa Kỳ tạo ra nhiều nghiên cứu hơn, kể cả về giáo dục, hơn bất kỳ quốc gia nào khác trên thế giới. Baer và McCormick [4] cho rằng, họ không thấy nhiều cải thiện trong cách chuẩn bị về giáo dục cho học sinh, sinh viên. Nước Mỹ có thể tự hào về những học giả vĩ đại như John Dewey, B.F. Skinner, Abraham Maslow, Albert Bandura, Howard Gardner, Jerome Bruner và nhiều người khác đã đóng góp rất nhiều cho lý thuyết giáo dục. Nhưng liệu lý thuyết này có mang lại những cách tiếp cận sáng tạo trong thực tiễn dạy và học để tăng năng suất học tập và nâng cao chất lượng đầu ra hay không? “Sự thịnh vượng về kinh tế và xã hội của một quốc gia được cho là phụ thuộc hơn bao giờ hết vào chất lượng giáo dục chính trị của quốc gia đó, đòi hỏi những kỹ năng phù hợp và kiến thức nâng cao. Hệ thống giáo dục ngày nay cần phải hiệu quả và kinh tế. Nói cách khác, nó phải đạt được các mục tiêu đã đề ra đồng thời sử dụng tối đa các nguồn lực sẵn có” [5]. Theo báo cáo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), “áp lực đang gia tăng trên khắp thế giới nhằm thúc đẩy sự công bằng và cải thiện thành tích của học sinh” [6]. Đổi mới giáo dục được nhìn nhận với các hệ thống giáo dục trong bối cảnh các siêu hệ thống xã hội thể hiện sự phụ thuộc lẫn nhau ở mọi cấp độ. Nâng cao chất lượng và phạm vi đổi mới trong giáo dục có tác động tích cực đến bản thân nền giáo dục và mang lại lợi ích cho toàn xã hội [7].

Thiếu sự đổi mới có thể gây ra những hậu quả kinh tế và xã hội sâu sắc. Lợi thế cạnh tranh cuối cùng của Hoa Kỳ, Tony Wagner, thành viên Đổi mới Giáo dục của Đại học Harvard đã cảnh báo rằng [8], khả năng đổi mới của nước này đang gặp rủi ro do hệ thống giáo dục mờ nhạt của đất nước. Derek Bok, cựu Hiệu trưởng Đại học Harvard cũng đã chỉ ra rằng sinh viên Mỹ lẫn các trường đại học của họ, cũng như bản thân quốc gia, đều không thể coi thường chất lượng giáo dục đại học cũng như việc dạy và học mà nó cung cấp [9]. Do đó, rút ra từ những bài học kinh nghiệm, trọng tâm của chúng ta là làm cho nền giáo dục Việt Nam luôn đổi mới và tập trung vào việc nâng cao chất lượng học tập ở tất cả các cấp. Tuy nhiên, mặc dù có rất nhiều nghiên cứu và đổi mới giáo dục đang diễn ra, nhưng chúng ta vẫn chưa thực sự thấy những cải thiện rõ rệt về thành tích của học sinh trung học hoặc sinh viên tốt nghiệp đại học cho đến ngày nay. Một số lượng lớn sinh viên tốt nghiệp Đại học không sẵn sàng tâm thế cho công việc sau khi ra trường hoặc tiếp tục học lên cao hơn. Ngược lại, các nhà tuyển dụng thường không hài lòng với sinh viên tốt nghiệp đại học [10]. Không ai, dù là học sinh, phụ huynh, học viện, doanh nghiệp hay toàn xã hội, hài lòng với những kết quả này. Có thể nào hệ thống giáo dục của chúng ta đổi mới chưa đủ? Chúng ta cũng nhận ra một số rào cản với công cuộc đổi mới giáo dục.

Rào cản của đổi mới giáo dục

Có lý do khiến có sự mất kết nối giữa động lực đổi mới giáo dục mà chúng tôi đang quan sát giữa các lĩnh vực khác nhau, những đổi mới giáo dục lớn gần đây và thực tế hàng ngày của hệ thống giáo dục. Nếu chúng ta xem giáo dục một cách tổng thể như một hệ thống hoàn chỉnh chịu

trách nhiệm duy trì nhu cầu giáo dục của quốc gia cho các thành viên trong xã hội và phát triển kiến thức cũng như chuyên môn thông qua cuộc sống tích cực của họ, thì chúng ta phải thừa nhận rằng điều này đang xảy ra ở mọi cấp độ giáo dục trong trường hợp này. Chúng được kết nối với nhau và phụ thuộc lẫn nhau [11]. Hơn nữa, bản thân giáo dục là một phần của hệ thống siêu xã hội lớn hơn được liên kết theo nhiều cách phức tạp. Giáo dục với tư cách là một tổ chức xã hội phản ánh tất cả các giá trị, luật pháp, nguyên tắc và truyền thống của xã hội mà nó thuộc về. Vì vậy, chúng ta cần coi giáo dục là một thực thể xã hội quan trọng, hoàn chỉnh và giải quyết vấn đề bằng cách xem xét các mối quan hệ, sự phụ thuộc này trong cả hệ thống giáo dục và xã hội [12].

Đổi lại, nếu xã hội ủng hộ những đổi mới trong giáo dục, thì hệ thống giáo dục của nó sẽ phát triển và tiến bộ liên tục và hiệu quả. Nếu không, giáo dục sẽ trì trệ và tạo ra những kết quả tầm thường. Một ví dụ về tác động văn hóa xã hội tiêu cực đối với giáo dục là chủ nghĩa trọng thương đang phá hủy mục đích cuối cùng của giáo dục và chủ nghĩa tiêu dùng đang làm suy thoái các cơ sở giáo dục đại học [13]. Các xu hướng xã hội và văn hóa có hại khác gây ảnh hưởng mạnh mẽ. Chúng bao gồm tiền tệ hóa giáo dục, quyền lợi, sự hài lòng tức thì và chủ nghĩa vị kỷ, những thứ phá hủy giáo dục nói chung và sự phát triển tính sáng tạo và tinh thần đổi mới của sinh viên nói riêng [14]. Những vấn đề xã hội nghiêm trọng như vậy phải được xử lý mạnh mẽ.

Ai cũng biết rằng giáo dục đại học thường chậm áp dụng các đổi mới vì nhiều lý do [15]. Bởi vì nó phức tạp do tính liên kết và tính liên tục của khoa học và thâm dụng lao động, nên giáo dục đại học đặc biệt khó tạo ra năng suất cao hơn [16]. Trường trung học thậm chí còn bảo thủ hơn các trường đại học bởi vì họ ngày càng quan tâm nhiều hơn đến sự thỏa mãn và an toàn của học sinh hơn là sự chuẩn bị cho cuộc sống và công việc thực tế trong tương lai của học sinh [17]. Cả giáo dục trung học và đại học đều hoạt động như hai hệ thống riêng biệt và khá khép kín theo thẩm quyền riêng của chúng. Họ không chỉ kết nối lỏng lẻo với thế giới rộng lớn hơn mà còn bị mất kết nối rộng rãi giữa kết quả học tập trung học được đo bằng kết quả học tập sau đại học và kỳ vọng vào đại học của sinh viên. Có vẻ như các hệ thống và giá trị của giáo dục công nghiệp không được thiết kế với sự đổi mới và các công cụ kỹ thuật số [1]. Đổi mới, dù là với công nghệ, đánh giá hay hướng dẫn, đều cần có thời gian và không gian để thử nghiệm và khả năng chịu đựng cao đối với sự không chắc chắn. Phá vỡ các khuôn mẫu đã thiết lập là phương thức hoạt động của sự đổi mới. Chúng tôi thích thành quả của sự đổi mới, nhưng ít người trong chúng tôi có can đảm để thực hiện thử thách đổi mới [18]. Tuy nhiên, điều tối quan trọng là phải chấp nhận rằng “sự đổi mới gắn liền với sự sáng tạo, chấp nhận rủi ro và thử nghiệm” [16], điều này phải là một phần của hệ thống giáo dục.

Đổi mới không phải là nói suông mà phải làm. Hơn nữa, một sự đổi mới chỉ có thể tạo ra sự khác biệt đáng kể khi nó được sử dụng trên quy mô rộng. Để tạo ra những đổi mới là chưa đủ, một nhiệm vụ khó khăn hơn là chúng cần được phổ biến và sử dụng trong các trường học và trường đại học. Để các sáng kiến tạo ra hiệu quả lớn, chúng ta cần có một đội ngũ thực hiện cùng với những điều kiện thuận lợi để những sáng tạo được lan tỏa và tạo ra kết quả [19]. Các trường đại học ngày nay đang bận rộn đổi mới cách làm tăng sự hài lòng của sinh viên và tạo ra trải nghiệm học tập “đặc biệt”, “hàng đầu” hoặc “phi thường” hơn là quan tâm đến kiến thức thực sự và thành tích chất lượng của họ [20]. Đây rõ ràng là một phần mở rộng của phương pháp dạy và học thích ứng hoặc khác biệt, từ đó dẫn đến sự tùy biến của giáo dục [21]. Những đổi mới phát triển trong một môi trường thuận lợi, được nuôi dưỡng bởi một hệ thống giáo dục thúc đẩy đổi mới ở tất cả các cấp và tạo ra tư duy sáng tạo, phản biện, người học tự túc, tự học suốt đời, người giải quyết vấn đề và người lao động. Câu hỏi cuối cùng là chúng ta thực sự cần những đổi mới nào và những đổi mới nào chúng ta có thể không cần? [16]. Theo Hiệp ước Bologna [22] cho rằng lãnh đạo và quản lý trường đại học là một khía cạnh quan trọng vì nó liên quan đến hoạt động của toàn bộ tổ chức. Quản lý hiệu quả và hiệu quả của trường đại học dựa vào hiệu trưởng. Những người ủng hộ hàng đầu khuyến khích sự lãnh đạo chuyển đổi, quản lý đạo đức, hiệu trưởng với tư cách là người lãnh đạo hướng dẫn và hiệu trưởng với tư cách là người giao tiếp hoặc xây dựng cộng đồng, [12]. Khám phá các cơ chế lãnh đạo và quản lý hiệu quả có thể giúp dạy cho các nhà hoạch định chính

sách và quyết định của trường đại học để thực hiện phát triển lãnh đạo, điều này sẽ dẫn đến thành tích của sinh viên được cải thiện. Do đó, đào tạo và phát triển lãnh đạo trường đại học đòi hỏi một kế hoạch có hệ thống sẽ dẫn đến một nền giáo dục xuất sắc. Cụm từ học tập được cá nhân hóa cho thấy chất lượng giảng dạy cao, có thể tiếp cận bằng nhiều cách khác nhau để có thể tạo điều kiện cho học sinh hoàn thành tốt nhất. Nó liên quan đến việc đáp ứng từng sinh viên bằng cách thiết lập một phương thức giáo dục và nhận ra nhu cầu của sinh viên và tập trung vào sở thích của họ, kiểu tiếp cận này đã nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ về mặt đạo đức và giáo dục [23].

2. Phương pháp nghiên cứu

Theo các nhà khoa học đã nhận xét thì phong cách lãnh đạo của các nhà quản lý là một yếu tố then chốt tác động đến đổi mới giáo dục.

Nếu những người ở vị trí lãnh đạo quá chuyên quyền sẽ ảnh hưởng đến trường đại học. Dựa trên các tài liệu, một nhà quản lý hiệu quả có giao tiếp tốt; thiết lập định hướng rõ ràng có thể thúc đẩy cấp dưới tham gia công tác một cách tích cực thông qua việc chia sẻ, sự tương thưởng và thúc đẩy tinh thần; phát triển và duy trì sự cởi mở với nhân viên; phấn đấu cho sự hoàn thành xuất sắc công việc; và các thành tích của cấp dưới được công nhận [19].

Mỗi phương pháp và quy trình mà chính phủ thường sử dụng để thực hiện các hoạt động hàng ngày của mình đều có những đặc điểm riêng. Những tập tục không chính thức đặc trưng cho hành vi và hoạt động của các cơ quan hành chính trong quá trình hoạch định chính sách được gọi là phong cách hành chính. Đây có thể được hiểu là các cấp độ của văn hóa tổ chức. Nghiên cứu về phong cách hành chính rất quan trọng đối với các nghiên cứu so sánh về hoạch định chính sách vì nó nắm bắt và giải thích những khác biệt trong hoạch định và thực thi chính sách ngoài các khía cạnh và nội dung của hoạch định chính sách. Đó là một cơ cấu của một chính phủ đơn giản. Tương tự như phong cách chính trị và phong cách điều hành, khái niệm phong cách hành chính từ lâu đã được sử dụng để mô tả mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội. Nó được coi là một biến độc lập hữu ích khi nghiên cứu các hiện tượng khác nhau như sự phát triển chính trị khác nhau ở các nước châu Âu, các đặc điểm cụ thể của quốc gia trong hệ thống chính phủ hoặc tác động của châu Âu hóa đối với chính phủ quốc gia [24].

Tuy nhiên, các phong cách hành chính cũng có thể cung cấp thông tin về mối quan hệ giữa bộ máy quan liêu với cả chủ thể chính trị và xã hội của họ và ảnh hưởng của bộ máy quan liêu trong hoạch định chính sách. Về vấn đề này, người ta có thể phân biệt hai định hướng làm nền tảng cho các phong cách hành chính, đó là định hướng vị trí và chức năng, đặc trưng cho các thói quen quan liêu phi chính thức và các thủ tục vận hành tiêu chuẩn. Tùy thuộc vào mức độ phổ biến của các định hướng vị trí và chức năng trong các mẫu hành vi, có thể phân biệt bốn phong cách hành chính điển hình lý tưởng áp dụng cho các thói quen hành chính ảnh hưởng đến quá trình hoạch định chính sách: phong cách phục vụ, phong cách vận động, phong cách củng cố và phong cách doanh nhân.

Sự khác biệt trong phong cách quản trị giữa các tổ chức khác nhau có thể được giải thích bởi hai yếu tố, cụ thể là những thách thức bên trong và bên ngoài mà họ phải đối mặt. Hiểu theo cách này, phong cách hành chính có thể cho phép đánh giá so sánh các thói quen và ảnh hưởng của bộ máy quan liêu trong việc hoạch định chính sách giữa các quốc gia hoặc lĩnh vực khác nhau cũng như trong các bộ máy quan liêu siêu cấp và quốc tế [22].

2.1. Phong cách quản lý độc đoán

Phong cách quản lý độc đoán liên quan đến việc quản lý thông qua định hướng và kiểm soát rõ ràng. Đôi khi nó còn được gọi là phong cách quản lý chuyên quyền hoặc chỉ thị. Các nhà quản lý độc đoán thường khẳng định quyền lực mạnh mẽ, có toàn quyền ra quyết định và mong đợi sự phục tùng không nghi ngờ. Loại phong cách quản lý này yêu cầu các vai trò được xác định rõ ràng, hệ thống phân cấp và cấu trúc báo cáo chặt chẽ. Nhân viên không cần phải đặt câu hỏi ai chịu trách nhiệm về việc gì. Để trở thành một nhà lãnh đạo độc đoán hiệu quả, bạn cần phải sẵn sàng và có thể

liên tục cập nhật công việc của nhóm mình cũng như đưa ra bất kỳ và tất cả các quyết định. Bill Gates là một ví dụ về một nhà lãnh đạo độc đoán tích cực. Ông đã có một kế hoạch rõ ràng cho công ty của mình. Một kế hoạch mà nhiều người khác khó nắm bắt hoặc không thể nắm bắt được cho đến khi nó trở thành hiện thực và Microsoft trở thành một cái tên quen thuộc.

2.2. Phong cách quản lý nhìn xa trông rộng

Phong cách quản lý nhìn xa trông rộng đôi khi còn được gọi là truyền cảm hứng, lôi cuốn, chiến lược, chuyển đổi hoặc có tầm quyền. Các nhà quản lý có tầm nhìn tập trung vào việc truyền đạt tầm nhìn tổng thể của công ty, bộ phận hoặc dự án cho nhóm của họ. Không giống như các nhà quản lý độc đoán, các nhà quản lý có tầm nhìn xa không tham gia vào các chi tiết hàng ngày. Thay vào đó, họ tập trung vào động lực và sự liên kết của nhóm, để giữ cho mọi người đi chuyển theo cùng một hướng và giao cho các thành viên trong nhóm của họ xử lý các chi tiết về cách đạt được điều đó.

2.3. Phong cách quản lý giao dịch

Phong cách quản lý giao dịch tập trung vào việc sử dụng các phần thưởng tích cực như ưu đãi, tiền thưởng và quyền chọn cổ phiếu để thúc đẩy nhân viên cải thiện hiệu suất của họ. Ví dụ, các nhà quản lý giao dịch có thể dựa vào trả lương theo công việc để khuyến khích nhân viên của họ sản xuất nhiều hơn. Tương tự như vậy, họ có thể cấu trúc tiền thưởng hàng quý hoặc hàng năm dựa trên thành tích của nhân viên. Phong cách quản lý giao dịch được thành lập dựa trên niềm tin rằng bạn có thể quản lý thành công và thúc đẩy nhân viên thông qua các phần thưởng bên ngoài.

2.4. Phong cách quản lý dân chủ

Phong cách quản lý dân chủ đôi khi còn được gọi là phong cách tư vấn, đồng thuận, tham gia, hợp tác hoặc liên kết. Phong cách này dựa trên triết lý rằng hai cái đầu tốt hơn một và mọi người đều xứng đáng có tiếng nói, bất kể vị trí hay chức danh của họ là gì. Các nhà quản lý áp dụng phong cách dân chủ khuyến khích chia sẻ ý tưởng và sự tham gia thường xuyên của nhân viên. Trọng tâm là khuyến khích nhóm của bạn chia sẻ suy nghĩ, ý tưởng, đề xuất và giải pháp tiềm năng để giúp đỡ lẫn nhau và giúp công ty phát triển [25].

2.5. Phong cách quản lý Laissez-Faire

Phong cách quản lý laissez-faire nhấn mạnh sự tự do của nhân viên. Laissez-faire bắt nguồn từ tiếng Pháp và được dịch trực tiếp thành “let do” trong tiếng Anh. Nói cách khác, các nhà quản lý tự do kinh doanh để nhân viên của họ làm những gì họ muốn mà không có sự can thiệp nào. Trong phong cách quản lý laissez-faire, không có sự giám sát nào được cung cấp trong quá trình tạo hoặc sản xuất. Các nhà quản lý tự do kinh doanh thúc đẩy các nhóm tự định hướng và thường chỉ tham gia nếu có sự cố xảy ra hoặc nhóm yêu cầu [24]. Trong một nhóm hoạt động trơn tru, một người quản lý laissez-faire sẽ chỉ xuất hiện ở đầu và cuối quy trình làm việc. Lúc đầu, để cung cấp hướng dẫn, chia sẻ thông tin và trả lời câu hỏi.

Điểm mấu chốt là phong cách quản lý sai lầm sẽ làm giảm động lực của nhân viên, giết chết năng suất và khiến nhân viên trở nên chán nản hoặc rời bỏ công việc. Làm tổn thương toàn bộ tổ chức [26]. Nhưng làm thế nào để bạn biết phong cách quản lý nào phù hợp? Và làm thế nào để bạn áp dụng thành công đúng. Đó là vấn đề mà không ít nhà giáo dục trên thế giới và ở Việt Nam đau đầu để tìm ra đáp án đúng.

3. Kết quả nghiên cứu

Từ những rào cản trong quản lý đổi mới, các ảnh hưởng của phong cách quản lý chúng tôi nhận ra các mối quan hệ với quản lý giáo dục và kế hoạch cho chương trình giảng dạy nhằm thúc đẩy quy trình đổi mới giáo dục trong cơ sở giảng dạy đại học.

3.1. Quản lý giáo dục

Quản lý giáo dục là hệ thống giáo dục trong đó một nhóm kết hợp các nguồn nhân lực và vật chất để giám sát, lập kế hoạch, chiến lược và thực hiện các cấu trúc để thực hiện một hệ thống giáo dục. Giáo dục là trang bị kiến thức, kỹ năng, giá trị, niềm tin, thói quen và thái độ bằng kinh nghiệm học tập. Hệ thống giáo dục là một hệ sinh thái gồm các chuyên gia trong các tổ chức giáo dục, chẳng hạn như các bộ, đoàn thể, hội đồng theo luật định, cơ quan và trường học của chính phủ [24]. Hệ thống giáo dục bao gồm những người đứng đầu chính trị, hiệu trưởng, đội ngũ giảng viên, nhân viên, nhân viên hành chính và các chuyên gia giáo dục khác làm việc cùng nhau để làm phong phú và nâng cao chất lượng giáo dục. Ở mọi cấp độ của hệ sinh thái giáo dục, quản lý là cần thiết; quản lý liên quan đến việc lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện, xem xét, đánh giá và tích hợp một tổ chức. Quản lý giáo dục có liên quan đến 14 nguyên tắc quản lý của Henri Fayol [27]. Quản lý giáo dục là một hoạt động định hướng mục tiêu. Nó liên quan đến những nỗ lực của nhóm và một công việc có tổ chức và hiệu suất hướng tới việc đạt được các mục tiêu nhất định đã xác định trước trong một tổ chức giáo dục. Với nỗ lực phối hợp tích cực, chúng ta có thể đạt được các mục tiêu của tổ chức giáo dục, bằng cách sử dụng hiệu quả các nguồn lực vật chất và con người trong môi trường giáo dục.

3.2. Lập kế hoạch và phát triển chương trình giảng dạy

Lập kế hoạch và phát triển chương trình giảng dạy liên quan đến việc thiết kế và phát triển các kế hoạch tích hợp cho học tập, và đánh giá các kế hoạch, việc thực hiện chúng và kết quả của trải nghiệm học tập. Nó thiết kế và đánh giá chương trình giảng dạy, thúc đẩy các chiến lược giảng dạy và đánh giá phù hợp với chương trình giảng dạy, xây dựng các chương trình giảng dạy đặc biệt, tạo ra các mục tiêu rõ ràng có thể quan sát được và tạo ra các đánh giá hữu ích. Phát triển chương trình giảng dạy có thể được mô tả như một quá trình ba giai đoạn bao gồm chương trình giảng dạy được lập kế hoạch, phân phối và trải nghiệm. Nó có thể được hình thành bởi các phương pháp sư phạm do các nhà lý thuyết và nhà nghiên cứu đóng góp.

Theo học giả nổi tiếng người Bulgaria Georgi Lozanov [28], học tập là vấn đề của thái độ chứ không phải năng khiếu. Đây là nơi có tiềm năng lớn nhất để cải thiện giáo dục. Như một nhà khoa học nhận thức nổi tiếng Daniel Willingham đã viết, “Giáo dục tạo nên trí tuệ tốt hơn, và kiến thức về trí tuệ có thể tạo nên giáo dục tốt hơn” [29]. Trong số nhiều điểm đổi mới giáo dục, thời gian chắc chắn đáng được quan tâm. Thời gian là một yếu tố quan trọng trong giáo dục. Nỗ lực tiết kiệm thời gian học tập và nâng cao năng suất của nó đã được mọi người trong chúng ta biết đến. Để tăng hiệu quả học tập bằng cách sử dụng cái gọi là phương pháp tăng tốc và chuyên sâu là một con đường đổi mới đầy hứa hẹn. Thời gian đang tăng tốc [22]. Giáo dục đã trở nên đắt đỏ hơn và ít khả năng chi trả hơn đối với nhiều người. Điều này cũng tạo ra gánh nặng lớn cho ngân sách nhà nước. Do đó, các nhà giáo dục cần tìm cách làm cho giáo dục tiết kiệm thời gian và chi phí hơn [30].

Đổi mới thường được hiểu là việc giới thiệu thành công một điều hoặc phương pháp mới, [16]. Về bản chất, sự đổi mới dường như có hai thành phần phụ. Đầu tiên, có một ý tưởng hoặc đối tượng mới đối với một cá nhân hoặc một nhóm cụ thể, và thứ hai, có sự thay đổi do sự chấp nhận đối tượng hoặc ý tưởng đó [31]. Do đó, đổi mới đòi hỏi ba bước chính: một ý tưởng, việc triển khai ý tưởng đó và kết quả đạt được từ việc thực hiện ý tưởng và tạo ra sự thay đổi. Trong giáo dục, đổi mới có thể xuất hiện như một lý thuyết sư phạm mới, phương pháp tiếp cận, kỹ thuật giảng dạy, công cụ giảng dạy, quy trình học tập hoặc cấu trúc thể chế mà khi được thực hiện sẽ tạo ra sự thay đổi đáng kể trong dạy và học, dẫn đến việc học tập của sinh viên được tốt hơn [32].

3.3. Một số khuyến nghị

Trong thời đại cạnh tranh toàn cầu và xã hội dựa trên tri thức, chất lượng giáo dục được chú trọng ở các khía cạnh chất lượng đầu vào, quy trình và đầu ra. Vì vậy, các nhà quản lý giáo dục

và giáo viên cần áp dụng hoặc điều chỉnh các phương pháp đổi mới trong quản lý và giảng dạy nhà trường để các yếu tố đầu vào - quá trình - đầu ra được liên kết với nhau. Hệ thống này có khả năng thích ứng. Nói cách khác, quá trình dạy và học trở thành một hệ thống có thể kiểm soát được. Điều này là cần thiết để cải thiện hiệu suất, năng suất và chất lượng giáo dục của trường. Để thành công theo hướng này, chúng tôi có một số khuyến nghị.

1. Định kỳ tổ chức các hội thảo, hội nghị, hội thảo cho cán bộ quản lý và giảng viên về đổi mới quản lý trong trường học.

2. Các nhà quản lý và giảng viên nên được khuyến khích sử dụng các công cụ công nghệ thông tin - truyền thông (CNTT- TT) trong quản lý và giảng dạy ở trường.

3. Các nhà quản lý giáo dục nên lập kế hoạch chiến lược trong quản lý trường học.

4. Các nhà quản lý trường học nên thay đổi phong cách lãnh đạo, quản lý trường học vì điều này đã được chứng minh là sẽ kích thích nhân viên thực hiện vượt mong đợi.

5. Chúng ta cũng phải đưa tất cả các bậc học, từ mầm non đến cao đẳng, đại học và sau đại học vào một hệ thống thống nhất.

4. Kết luận

Giáo dục Việt Nam rất cần những đổi mới quy mô hiệu quả có thể giúp tạo ra kết quả học tập chất lượng cao trên toàn hệ thống và cho tất cả học sinh. Chúng ta có thể bắt đầu bằng cách tăng cường tích hợp các mô hình học tập quốc tế thành công và tạo điều kiện trong các trường đại học và cao đẳng của chúng ta để thúc đẩy và hỗ trợ các nhà đổi mới và doanh nhân giáo dục hoặc doanh nhân. Hơn nữa, những chuyển đổi này nên đa dạng, nhưng có hệ thống, nhắm vào các khía cạnh quan trọng khác nhau của giáo dục. Những đổi mới sâu sắc, nhiều mặt và toàn diện, cả hữu hình và vô hình, có khả năng nhanh chóng tạo ra các hiệu ứng có thể mở rộng. Nâng cao triết lý hiệu quả và chất lượng dạy và học lý thuyết cũng như thực hành, cũng như vai trò của người học, giảng viên, giáo viên, phụ huynh, cộng đồng, xã hội và văn hóa xã hội phải là trọng tâm hàng đầu của những thay đổi này. Ngoài ra cũng nên tìm cách cải thiện đạo đức làm việc và thái độ của học sinh đối với việc học, phát triển các kỹ năng học tập khác nhau của học sinh, cũng như làm cho việc học trở nên hiệu quả hơn. Do đó, đổi mới giáo dục là chìa khóa cho một xã hội thịnh vượng, sáng tạo là cách tiếp cận đa chiều để hồi sinh hệ thống giáo dục (cấu trúc, công cụ và các bên liên quan) để nó tạo ra sự tự chủ, năng lực bản thân, tư duy phản biện, sáng tạo và thúc đẩy một nền văn hóa chung của người học. Hỗ trợ giáo dục đổi mới. Để thành công, đổi mới giáo dục phải trở thành vấn đề của toàn xã hội và chúng ta phải tạo ra trách nhiệm chung cho toàn xã hội. Nếu không, mọi nỗ lực của chúng ta nhằm xây dựng một hệ thống giáo dục hiệu quả sẽ thất bại [33].

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] D. Crichton, "Searching for the next wave of education innovation," *TechCrunch*, 2015. [Online]. Available: <https://techcrunch.com/2015/06/27/education-next-wave/>. [Accessed June 10, 2023].
- [2] J. Accuosti, "Factors affecting education technology success," *ASEE 2014 Zone 1 Conference*, April 3-5, 2014. [Online]. Available: <http://www.asee.org/documents/zones/zone1/2014/Student/PDFs/112.pdf>. [Accessed June 10, 2023].
- [3] P. Zeihan, *The Accidental Superpower: The Next Generation of American Preeminence and the Coming Global Disorder*. Twelve Hachette Book Group, New York, NY, 2014.
- [4] L. Baer and J. McCormick, "Building the capacity for change through innovation," In A. Hoffman and S. Spanghel (Eds), *Innovation in Higher Education: Igniting the Spark for Success*, American Council on Education. Rowman & Littlefield Publishers Inc., Lanham, MD, 2019, pp. 165-181.
- [5] F. Cornali, "Effectiveness and efficiency of educational measures," *Evaluation Practices, Indicators and Rhetoric*, vol. 2, no. 3, pp. 255-260, 2012.
- [6] S. Vieluf, D. Kaplan, E. Klieme, and S. Bayer, *Teaching Practices and Pedagogical Innovation: Evidence from TALIS*. OECD Publishing, Paris, 2012.

- [7] D. Brewer and W. Tierney, "Barriers to innovation in the US education," In B. Wildavsky, A. Kelly, and K. Carey (Eds), *Reinventing Higher Education: The Promise of Innovation*. Harvard Education Press, Cambridge, MA, 2012, pp. 11-40.
- [8] Creating Innovators, "America's last competitive advantage," 2012. [Online]. Available: <http://creatinginnovators.com/>. [Accessed June 10, 2023].
- [9] D. Bok, *Our Underachieving Colleges*. Princeton University Press, Princeton, NJ, 2007, p. 6.
- [10] J. Thomson, "Poor grades," Inside Higher Ed, July 9, 2015. [Online]. Available: www.insidehighered.com/news/2015/06/09/national-poll-finds-overall-dissatisfaction-college-selection-process-while-parents. [Accessed June 10, 2023].
- [11] A. Camins, "What's the purpose of education in the 21st century?" Washington Post' education blog, The Answer Sheet, February 12, 2015. [Online]. Available: www.arthurcamins.com/?p=319. [Accessed June 10, 2023].
- [12] M. Cole, D. Shelley, and L. Swartz, "Online instruction, e-learning, and student satisfaction: a three-year study," *The International Review of Research in Open and Distance Learning*, vol. 13, no. 6, pp. 408-426, 2018.
- [13] I. Feeman and M. Thomas, "Consumerism in education: a comparison between Canada and the United Kingdom," *International Journal of Educational Management*, vol. 19, no. 2, pp. 153-177, 2005, doi: 10.1108/09513540510582444.
- [14] M. Kerby, K. Branham, and G. Mallinger, "Consumer-based higher education: the uncaring of learning," *Journal of Higher Education Theory and Practice*, vol. 14, no. 5, pp. 42-54, 2014.
- [15] A. Hoffman and J. Holzhter, "The evolution of higher education: innovation as natural selection," In A. Hoffman and S. Spanghel (Eds), *Innovation in Higher Education: Igniting the Spark for Success*, American Council on Education, Rowman & Littlefield Publishers Inc., Lanham, MD, 2012, pp. 3-15.
- [16] D. Brewer and W. Tierney, "Barriers to innovation in the US education," In B. Wildavsky, A. Kelly, and K. Carey (Eds), *Reinventing Higher Education: The Promise of Innovation*. Harvard Education Press, Cambridge, MA, 2012, pp. 11-40.
- [17] S. Gibbons and O. Silva, "School quality, child well-being and parents' satisfaction," *Economics of Education Review*, vol. 30, no. 2, pp. 312-331, 2011.
- [18] A. Levasseur, "Does our current education system support innovation?" MindShift, July 17, 2012. [Online]. Available: [ww2.kqed.org/mindshift/2012/07/17/does-our-current-education-system-support-innovation/](http://www.kqed.org/mindshift/2012/07/17/does-our-current-education-system-support-innovation/). [Accessed June 10, 2023].
- [19] M. Csikszentmihalyi, *Creativity: The Psychology of Discovery and Invention*. Harperperennial, New York, NY, 2013.
- [20] V. Afshar, "Disrupting higher education," The Huffington Post, August 05, 2016. [Online]. Available:[http://www.huffingtonpost.com/vala-afshar/disrupting-higher-educati_b_11341146.html?](http://www.huffingtonpost.com/vala-afshar/disrupting-higher-educati_b_11341146.html) [Accessed June 10, 2023].
- [21] B. Schuwer and B. Kusters, "Mass customization of education by an institution of what can we learn from industry?" *The International Review of Research in Open and Distributed Learning*, vol. 12, no. 2, pp. 1-25, 2017.
- [22] Bologna Process, "European higher education area and Bologna process," 2016. [Online]. Available: www.ehea.info/. [Accessed June 10, 2023].
- [23] L. De León, "Managing technological innovation and issues of licensing in higher Education," In B. Ran (Ed.), *The Dark Side of Technological Innovation*. Information Age Publishing, Charlotte, NC, 2019, pp. 347-371.
- [24] H. Maurer, R. Mehmood, and P. Korica-Pehserl, "How dangerous is the web for creative work?" *Journal of Computing and Information Technology*, vol. 21, no. 2, pp. 59-69, 2017.
- [25] A. Meyer, D. Rose, and D. Gordon, *Universal Design of Learning: Theory and Practice*. CAST Professional Publishing, Wakefield, MA, 2014.
- [26] W. Massy, "Creative paths to boosting academic productivity," In B. Wildavsky, A. Kelly, and K. Carey (Eds), *Reinventing Higher Education: The Promise of Innovation*. Harvard Education Press, Cambridge, MA, 2012, pp. 73-100.
- [27] H. Fayol, *Administration Industrielle et Générale (General and Industrial Management)*. Eastford, CT: Martino Fine Books, 2013.
- [28] G. Lozanov, *Suggestology and Outlines of Suggestopedia*. Gordon and Breach, New York, London, Paris, 1978, p. 235.

-
- [29] D. Willingham, "Why don't students like school?" *A Cognitive Scientist Answers Questions about How the Mind Works and What it Means for Your Classroom*, Jossey-Bass, San Francisco, CA, 2010.
- [30] T. Hjeltnes and B. Hansson, "Cost effectiveness and cost efficiency in e-learning," The TISIP Foundation, Trondheim, 2005. [Online]. Available: www2.tisip.no/quis/public_files/wp7-cost-effectiveness-efficiency.pdf. [Accessed June 10, 2023].
- [31] R. Evans and P. Leppmann, *Resistance to Innovation in Higher Education*. Jossey-Bass Publishers Inc., San Francisco, CA, 1970.
- [32] W. Polka and J. Kardash, "Managing in the effective change zone to implement a '1-to-1' laptop program in a rural school district," In B. Ran (Ed.), *The Dark Side of Technological Innovation*. Information Age Publishing, Charlotte, NC, 2013, pp. 323-346.
- [33] P. Serdyukov and N. Serdyukova, "Time as factor of success in online learning," *Journal of Information Technology and Application in Education*, vol. 1, no. 2, pp. 4-33, 2018.